

Số: *26* /2016/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 30/2015/TT-BTC ngày 09/3/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, thanh toán và quyết toán các khoản hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ;

Căn cứ ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Nghị Quyết số 49/NQ-HĐND ngày 06/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1617/TTr-SKHĐT ngày 25/10/2016 về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư thuộc đối tượng khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành quyết định này. /*uv*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Các bộ: KHĐT, TC, NN&PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, TH^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2016/QĐ-UBND ngày 26 /12/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định một số ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020.

2. Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp nhận ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại quy định này là doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn thuộc các lĩnh vực theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ theo quy định này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn của phường thuộc thành phố, thị xã.

2. Lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư bao gồm những ngành, nghề được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ và những ngành, nghề khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

3. Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư là dự án đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại vùng nông thôn.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

1. Doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020 được hưởng khung ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật hiện hành; khi xây dựng vùng nguyên liệu mà có hợp đồng liên kết

sản xuất nguyên liệu ổn định với người dân được ưu tiên trước xem xét ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.

2. Trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác nhau thì doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư có lợi nhất.

3. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư, định mức hỗ trợ các dự án đầu tư theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chương II ƯU ĐÃI VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 4. Giảm tiền sử dụng đất

Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư khi được Nhà nước giao đất thì được giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước với dự án đầu tư đó.

Điều 5. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của nhà nước

1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư (dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện trong KCN) được miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

2. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư khi thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước được áp dụng mức giá thấp nhất của các loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 11 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động; được miễn tiền thuê đất đối với diện tích xây dựng nhà ở cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ lợi ích công cộng.

Chương III HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 6. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường và áp dụng khoa học công nghệ

1. Doanh nghiệp có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo dự án đầu tư. Tổng các khoản hỗ trợ cho một dự án tối đa không quá 10% tổng mức đầu tư dự án và không quá 1 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ 70% kinh phí đào tạo nghề trong nước cho người lao động. Mức kinh phí đào tạo theo quy định của pháp luật hiện hành, mỗi lao động chỉ được

hỗ trợ đào tạo một lần và thời gian đào tạo được hỗ trợ kinh phí không quá 6 tháng.

- Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo doanh nghiệp và sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước; giảm 50% phí tiếp cận thông tin thị trường và phí dịch vụ từ cơ quan xúc tiến thương mại của Nhà nước.

- Trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các hỗ trợ được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp khi quyết toán với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Trường hợp thực hiện đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới do doanh nghiệp chủ trì để thực hiện dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, khuyến khích đầu tư, hoặc mua bản quyền công nghệ thực hiện dự án trên được hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu; hỗ trợ 30% tổng kinh phí đầu tư mới để thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm. Các khoản hỗ trợ này được lấy từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh và nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, mức hỗ trợ tối đa không quá 03 tỷ đồng/dự án.

Điều 7. Hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm

1. Các dự án đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp của doanh nghiệp khi xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- Nằm trong khu quy hoạch giết mổ gia súc, gia cầm tập trung công nghiệp được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt;

- Công suất giết mổ một ngày đêm của mỗi dự án phải đạt tối thiểu 400 con gia súc hoặc 4.000 con gia cầm hoặc 200 gia súc và 2.000 con gia cầm.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng, chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng tối thiểu 30% lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

2. Mức hỗ trợ đầu tư

- Hỗ trợ thấp nhất 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về điện, nước, nhà xưởng, xử lý chất thải và mua thiết bị. Đối với các dự án có công suất giết mổ lớn hơn so với quy định tại Điểm 2 Khoản 1 Điều này thì mức hỗ trợ được tăng tương ứng.

- Trường hợp dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án thì ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều này, dự án còn được hỗ trợ thêm 70% chi phí và không quá 05 tỷ đồng đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

Điều 8. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc có quy mô nuôi tập trung được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ chung để xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng, đồng cỏ và mua thiết bị:

- Dự án chăn nuôi bò sữa cao sản: Hỗ trợ 05 tỷ đồng/dự án.

- Các dự án còn lại: Hỗ trợ 03 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án:

Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án: Hỗ trợ 70% chi phí và không quá 05 tỷ đồng để đầu tư xây dựng các hạng mục trên.

c) Hỗ trợ khác:

- Dự án nhập giống gốc cao sản vật nuôi: Hỗ trợ không quá 40% chi phí nhập giống gốc.

- Dự án nhập bò sữa giống từ các nước phát triển cho doanh nghiệp nuôi trực tiếp và nuôi phân tán trong các hộ gia đình: Hỗ trợ 15 triệu đồng/con (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi gia súc theo quy định tại Điểm a, b Khoản 1 Điều này khi xem xét hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- Dự án nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Có quy mô chăn nuôi thường xuyên tập trung từ 1.000 con trở lên đối với lợn thịt; hoặc từ 500 con trở lên đối với trâu, bò, dê, cừu thịt; hoặc từ 200 con đối với bò thịt cao sản nhập ngoại; hoặc từ 500 con đối với bò sữa cao sản.

- Bảo đảm vệ sinh thú y, an toàn phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường theo các quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng tối thiểu 30% lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Hỗ trợ trồng cây dược liệu

1. Nội dung hỗ trợ: Xây dựng đồng ruộng, cây giống đối với doanh nghiệp có dự án trồng cây dược liệu có quy mô từ 50 ha trở lên: Hỗ trợ 15 triệu đồng/ha.

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau đây:

- Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu địa điểm đầu tư chưa có quy hoạch được duyệt;

- Cây dược liệu được hỗ trợ phải nằm trong danh mục ưu tiên và khuyến khích phát triển do Bộ Y tế ban hành, phù hợp với Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Sử dụng tối thiểu 30% lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh.

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn cây dược liệu, sắn phụ phẩm thủy sản

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn cây dược liệu, sắn phụ phẩm thủy sản khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Quy định này được hỗ trợ 02 tỷ đồng/dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng về giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị.

2. Các dự án được hưởng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Quy mô cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn cây dược liệu phải đạt tối thiểu 150 tấn sản phẩm/ngày; sắn phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.

- Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn cây dược liệu, sắn phụ phẩm thủy sản phải sử dụng tối thiểu 30% lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh và 60% nguyên liệu lúa, ngô, khoai, cây dược liệu, phụ phẩm thủy sản tại tỉnh.

Điều 11. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế tạo, bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản

1. Doanh nghiệp có dự án đầu tư nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ; chế tạo thiết bị cơ khí để bảo quản, chế biến nông sản, thủy sản khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại quy định này được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

a) Xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện, nước, nhà xưởng và mua thiết bị trong hàng rào dự án: Hỗ trợ không quá 60% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án.

b) Chi phí xử lý chất thải cho các nhà máy chế biến nông sản, thủy sản quy mô lớn, đã đầu tư, sử dụng nhiều lao động, có tác động lớn đến kinh tế, xã hội của tỉnh (là nhà máy có doanh thu hàng năm trên 100 tỷ đồng hoặc có ít nhất

200 lao động có hợp đồng dài hạn và được đóng bảo hiểm xã hội): Hỗ trợ không quá 70% chi phí.

c) Chi phí vận chuyển sản phẩm: Hỗ trợ 1.500 đồng/tấn/km trong thời gian 5 năm, hỗ trợ 01 lần ngay sau khi hoàn thành đầu tư trong đó:

- Khoảng cách hỗ trợ được tính từ địa điểm đặt nhà máy hoặc cơ sở bảo quản, chế biến đến trung tâm tỉnh theo đường ô tô gần nhất.

- Khối lượng vận chuyển tính theo công suất thực tế nhà máy.

d) Xây dựng đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến chân hàng rào dự án.

Dự án chưa có đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước đến chân hàng rào dự án: Hỗ trợ thêm 70% chi phí và tổng mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/dự án để đầu tư xây dựng các hạng mục nêu trên (có thể lập dự án riêng).

2. Các dự án đầu tư được hưởng hỗ trợ quy định tại Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 02 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.

- Nằm trong quy hoạch được duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chấp thuận cho phép đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh nếu chưa có quy hoạch được duyệt.

- Bảo đảm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và quy mô công suất tối thiểu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

- Doanh nghiệp có dự án chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản phải sử dụng tối thiểu 30% lao động có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh và 60% nguyên liệu nông sản, thủy sản chính tại tỉnh.

Điều 12. Nguồn vốn và cơ chế hỗ trợ đầu tư

1. Nguồn vốn hỗ trợ: Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư theo quy định này bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án và ngân sách tỉnh, cụ thể:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

- Ngân sách tỉnh: Hàng năm, ngân sách tỉnh dành 2% tổng chi ngân sách địa phương để thực hiện việc hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ chế hỗ trợ đầu tư

- Ngân sách trung ương hỗ trợ cho dự án công nghệ cao (dự án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản và được Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thẩm tra, xác nhận) có mức cần hỗ trợ trên 02 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các dự án còn lại, gồm cả những dự án lớn hơn 02 tỷ đồng nhưng không sử dụng ngân sách trung ương. Khi hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án hoàn thành thì được giải ngân 70% mức vốn hỗ trợ theo hạng mục, gói thầu. Sau khi dự án hoàn thành đầu tư, được nghiệm thu thì được giải ngân 30% mức vốn hỗ trợ còn lại.

Chương IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 13. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư gồm các tài liệu thành phần sau:

- Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ trong đó giải trình rõ lý do và cách tính các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư theo mẫu quy định tại phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

- Đối với trường hợp dự án đầu tư đã triển khai: Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư (nếu có) kèm theo báo cáo tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện dự án kể từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư.

- Trường hợp dự án chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư, doanh nghiệp nộp kèm theo đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đánh giá tác động hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đề xuất hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong đó giải trình rõ về các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Số lượng bộ hồ sơ: Doanh nghiệp nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc) tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.

3. Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

Điều 14. Trình tự, thủ tục cấp quyết định hỗ trợ đầu tư

1. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư, trong thời gian 03 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các sở, ngành có liên quan như: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện nơi dự án triển khai thực hiện, Ban Quản lý các KCN (đối với dự án triển khai trong các KCN được thành lập trên địa bàn tỉnh).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến các sở, ngành được lấy ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

3. Nội dung thẩm tra đề nghị hỗ trợ đầu tư

- Dự án thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và tại quy định này;

- Dự án đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và tại quy định này;

- Rà soát các đề xuất hỗ trợ đầu tư mà doanh nghiệp đề nghị quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và tại quy định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các sở, ngành; căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách đối với đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp để lập báo cáo thẩm tra trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

- Trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình UBND tỉnh.

- Trường hợp dự án đã thực hiện trước khi Nghị định số 210/2014/NĐ-CP có hiệu lực, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra thực tế nội dung hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp trước khi trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 05/2014/TT-BKHĐT ngày 30/9/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.

- Trường hợp dự án sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, UBND tỉnh gửi báo cáo đề nghị thẩm tra và báo cáo kết quả thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm tra nguồn vốn.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm tra của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng ngân sách địa phương hoặc văn bản thẩm tra nguồn vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng ngân sách trung ương hỗ trợ, UBND tỉnh ban hành quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án. Trường hợp từ chối một phần hoặc toàn bộ hỗ trợ đầu tư theo đề nghị của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thông báo và nêu rõ lý do để doanh nghiệp biết.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020, theo dõi tình hình thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí, lồng ghép các chương trình, dự án từ các nguồn vốn khác nhau đã được giao từ vốn ngân sách địa phương, vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện tốt chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét quyết định hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2016-2020;

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về giết mổ gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia súc theo hướng tập trung công nghiệp; phát triển cây dược liệu, cơ sở chế biến nông sản, thủy sản và quy hoạch phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư, gói thầu (nếu có), nghiệm thu hoàn thành dự án được hỗ trợ theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và Quy định này.

3. Sở Tài chính

Phối hợp bố trí nguồn kinh phí để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Quy định này. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp theo quy định; thực hiện theo dõi, kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Hướng dẫn trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất theo đúng quy định của pháp luật; trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Doanh nghiệp và đề xuất những thay đổi liên quan đến nội dung này.

5. Cục thuế tỉnh

- Hướng dẫn, thực hiện các chế độ ưu đãi về thuế đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục hạch toán các khoản hỗ trợ đầu tư vào chi phí sản xuất trong trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xác định đơn giá cho thuê đất, thuê mặt nước đối với từng dự án cụ thể.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu và đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ, đào tạo nghề cho người lao động nông thôn tham gia làm việc trong các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề cho doanh nghiệp có dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan xác nhận khối lượng hoàn thành hạng mục đầu tư đối với các dự án, đề tài nghiên cứu tạo ra công nghệ mới, mua bản quyền công nghệ theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn xây dựng, đăng ký tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa; đăng ký bảo hộ thương hiệu.

8. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan trong việc lập quy hoạch, rà soát quy hoạch về cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí để chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản; chợ nông thôn.

9. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh cấp hỗ trợ đầu tư cho các doanh nghiệp trong KCN; cùng với các sở, ngành liên quan kiểm tra, giám sát và quản lý các dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo Quy định này.

10. UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp, tổ chức thực hiện tốt Quy định này.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

- Những vấn đề chưa được đề cập trong bản Quy định này được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ngành, địa phương có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quy định này.

Điều 17. Khen thưởng, kỷ luật

- Các đơn vị, cá nhân và doanh nghiệp thực hiện tốt Quy định này sẽ được xét khen thưởng hàng năm theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng. Trường hợp các đơn vị, tổ chức và cá nhân có vi phạm Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Khi xét tặng các danh hiệu thi đua đối với các doanh nghiệp, các sở ngành liên quan có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư về doanh nghiệp được đề nghị khen thưởng trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Điều 18. Điều khoản thi hành

- Quy định này được thực hiện sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện ưu đãi quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và Quy định này nếu đã triển khai thực hiện dự án trước và chưa thực hiện ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-

CP ngày 04/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án.

- Doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP tiếp tục được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đã cấp hoặc có quyền đề nghị hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP và Quy định này cho thời gian còn lại của dự án.

- Đối với dự án đã thực hiện trước thời điểm Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ có hiệu lực (ngày 10/02/2014), mà đáp ứng các điều kiện ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ như sau:

+ Được hưởng ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày 10/02/2014;

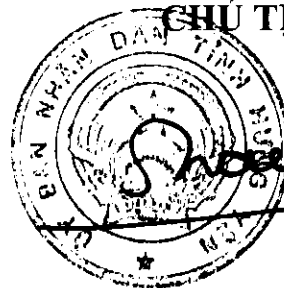
+ Chỉ hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án thực hiện sau ngày 10/02/2014;

+ Không hỗ trợ và hồi tố chi phí đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước ngày 10/02/2014.

- Các cơ quan có trách nhiệm giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến các dự án đầu tư phải nghiêm yết công khai tại trụ sở quy định về trình tự, thủ tục do cơ quan mình giải quyết theo nguyên tắc tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Quy định này.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./:kh/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng

PHỤ LỤC I
DANH MỤC LĨNH VỰC ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ TRONG
LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TRÊN TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH HƯNG YÊN GIAI ĐOẠN 2016-2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2016/QĐ-UBND ngày 26/12/2016
của UBND tỉnh Hưng Yên)*

1. Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến, xây dựng cánh đồng lớn, trồng cây dược liệu.
2. Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung.
3. Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản.
4. Ứng dụng công nghệ sinh học; công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.
5. Chế biến, bảo quản nông sản, thủy sản, dược liệu.
6. Sản xuất bột giấy, giấy, bìa, ván nhân tạo trực tiếp từ nguồn nguyên liệu nông, lâm sản.
7. Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.
8. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ
9. Xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước.
10. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm, tập trung, công nghiệp.
11. Xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường; thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.
12. Xây dựng chợ nông thôn; xây dựng ký túc xá công nhân ở nông thôn.
13. Sản xuất máy, thiết bị, chất phụ gia, phụ trợ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm.
14. Dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y ở vùng nông thôn.
15. Dịch vụ tư vấn đầu tư, khoa học, kỹ thuật về sản xuất nông, thủy sản./.

2. Lĩnh vực đầu tư:

.....;

3. Địa điểm thực hiện Dự án:

.....;

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:

.....;

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:

.....;

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:

.....;

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:

.....;

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

.....;

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn (ha), dự kiến thu hoạch trong tháng, nguyên liệu dự trữ để chế biến (tháng) tổng số nguyên liệu đảm bảo tháng/năm.

10. Thời hạn hoạt động của nhà máy/cơ sở (nếu có): số giờ/ngày

.....giờ; số ngày/năm ngày

II. Kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư (theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ):

1. Khoảng cách hỗ trợ vận chuyển: từ đến tổng số là: km.

2. Công suất nhà máy...; dự kiến số ngày hoạt động trong năm....

3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

TT	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú
1				
2				
.....				

III. Cách tính các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

.....
.....

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây;
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ... tháng năm

**Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(ký tên - đóng dấu)**

Nơi nhận:

Hồ sơ kèm theo:

Ghi chú:

- Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ có hiệu lực (ngày 10/02/2014), phân kiến nghị hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II cho thời hạn hoạt động còn lại của dự án (nếu có).

- Dự án đã thực hiện trước ngày 10/02/2014 mà đáp ứng các điều kiện ưu đãi, hỗ trợ thì được ưu đãi, hỗ trợ

+ Được hưởng ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày 10/02/2014;

+ Chỉ hỗ trợ cho các hạng mục đầu tư, gói thầu của dự án thực hiện sau ngày 10/2/2014;

+ Không hỗ trợ và hồi tố chi phí đối với các hạng mục đầu tư, gói thầu đã thực hiện trước ngày 10/02/2014. ✓